

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dũng và bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: **27/ 2021/ TLST-HNGĐ** ngày **27** tháng **01** năm **2021** về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: **KDC TM, phường HA, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương**; hiện ở: **KDC A, phường AL, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương**. Chị N có mặt.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn L**, sinh năm 1989; địa chỉ: **KDC TM, phường HA, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương**. Anh L vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1965 và bà Tụ Thị Đ, sinh năm 1964 (là bố mẹ đẻ anh L), cùng trú tại **KDC TM, phường HA, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương**. Ông Q, bà Đ đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 08/12/2020, các tài liệu có trong hồ sơ, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: **Chị và anh Nguyễn Văn L** tự nguyện kết hôn, được UBND phường HA, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/12/2014. Trước khi kết hôn, chị và anh L đều đã có gia đình riêng, chị chưa có con riêng, anh L có con riêng là Nguyễn Thị Thủy Trang, sinh ngày 11/11/2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhà bố

mẹ chồng chị, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do gia đình nhà chồng không tôn trọng chị, anh L không thương chị, không chăm sóc vợ con, đuổi chị đi giữa trời đêm mưa rét. Chị và 2 con đã phải về nhà mẹ đẻ ở phường AL, thị xã Kinh Môn sinh sống từ tháng 02/2020 đến nay. Trước đó, sau khi sinh con thứ nhất, khoảng năm 2016, do mâu thuẫn căng thẳng giữa vợ chồng, chị cũng đã phải về nhà mẹ đẻ sinh sống, sau đó vợ chồng đoàn tụ. Anh L cũng đến đón chị về, mẹ đẻ, bố chồng chị cũng động viên chị và anh L đoàn tụ, tuy nhiên giữa chị và mẹ chồng vẫn cứ mâu thuẫn, anh L không bảo vệ chị. Đến nay, thời gian ly thân đã hơn 1 năm, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 08/4/2015 và Nguyễn An Nh, sinh ngày 31/8/2018. Sau khi ly hôn, quan điểm của chị là mỗi người nuôi 01 con, chị xin trực tiếp nuôi cháu Nhiên, để anh L trực tiếp nuôi cháu Thành, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị làm công nhân thu nhập bình quân khoảng 05 triệu đồng/tháng. Con riêng của anh L thì anh L trực tiếp chăm sóc, chị không có ý kiến, yêu cầu gì.

- *Về tài sản, nợ chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng mà toà án giao. Tòa án cũng đã yêu cầu anh trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, anh không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N vì anh không đồng ý ly hôn, chị N muốn giải quyết ly hôn thì tùy. Thông qua ông Q và bà Đ là bố mẹ đẻ anh L, anh L thể hiện quan điểm không nhất trí ly hôn với chị N. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi con lớn là cháu Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 08/4/2015. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh L đến toà để trình bày quan điểm của mình, cũng như tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L không đến, cũng không có lý do.

Ông Nguyễn Văn Q và bà Tự Thị Đ – là bố, mẹ đẻ anh L cho biết: Trước khi kết hôn với chị N, anh L đã có vợ, con và đã ly hôn. Sau khi kết hôn với chị N, anh chị chung sống cùng ông bà tại KDC TM, phường HA, ban đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, đến những năm gần đây thì mâu thuẫn, nguyên nhân chị N có cách cư xử không phù hợp. Hiện, anh L và chị N không còn chung sống cùng nhau. Anh L và cháu Thành vẫn đang ở cùng ông bà, chị N và cháu Nhiên về nhà ngoại sinh sống. Ông bà cũng đã động viên vợ chồng anh L đoàn tụ nuôi dạy con, tuy nhiên chị N vẫn không thay đổi. Nay chị N đề nghị toà án giải quyết ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án buộc chị N phải cấp dưỡng nuôi con 1 triệu đồng/tháng.

Tại biên bản xác minh, ông Trưởng KDC TM, phường HA cho biết: Anh L, chị N kết hôn có hộ khẩu thường trú tại KDC TM, phường HA. Ông không nắm được mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị vì không thấy anh chị đề nghị hòa

giải hay giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, ông nắm được hiện chị N không còn sống chung với anh L từ đầu năm 2020 đến nay.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh L; xin tiếp tục nuôi cháu Nhiên, để anh L nuôi cháu Thành, chị và anh L không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, chị không chấp nhận yêu cầu của anh L về việc yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con 1 triệu đồng/tháng; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn – anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị N ly hôn anh L theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu là Nhiên, sinh ngày 31/8/2018, anh L tiếp tục nuôi cháu Thành, sinh ngày 08/4/2015 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh L có nơi đăng ký hộ khẩu tại phường HA, thị xã Kinh Môn, nên yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do; người làm chứng vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh L và người làm chứng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh L đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, của người làm chứng, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định: Cuộc sống vợ chồng chị N, anh L đã xảy ra mâu thuẫn thời gian dài. Quá trình chung

sống vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Bỏ để anh L và mẹ đẻ chị N đã động viên, hoà giải để chị N và anh L đoàn tụ nhưng không thành. Anh L đã được Toà án triệu tập hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh L không tham gia phiên hòa giải không có lý do. Điều đó cũng thể hiện việc anh L không mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Chị N sống ly thân với anh L từ đầu năm 2020 đến nay, vẫn cương quyết đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Như vậy, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N ly hôn anh L là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Cháu Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 08/4/2015 hiện đang ở cùng anh L, cháu Nguyễn An Nh, sinh ngày 31/8/2018 đang ở cùng chị N. Để đảm bảo việc ổn định, việc chăm sóc tốt nhất và phù hợp với nguyện vọng của anh chị, cháu Nhiên là con gái và chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần cần giao cháu Nhiên cho chị N, giao cháu Thành cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp; anh L và chị N đều là công nhân, có công việc và thu nhập, do đó chấp nhận ý kiến của chị N về việc không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N, anh L đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị N, anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn L.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn An Nh, sinh ngày 31/8/2018 cho chị N, giao cháu Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 08/4/2015 cho anh L tiếp tục trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị N, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2018/0004069 ngày 20/01/2021, chị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường HA, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

